

THỜI ĐẠI KIM KHÍ Ở VIỆT NAM

Lê Văn Phúc

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 29/07/2024

Ngày phản biện: 07/08/2024

Ngày duyệt đăng: 27/08/2024

*Tác giả chính:

Phucle3101@gmail.com

Title:

The metal age in Vietnam

Từ khóa:

thời đại kim khí, Việt Nam,
Đồng Sơn, Phùng Nguyên,
Đồng Đậu, Gò Mun

Keywords:

metal age, Vietnam, Dong Son,
Phung Nguyen, Dong Dau, Go
Mun.

TÓM TẮT: Thời đại kim khí có thể coi là thuật ngữ để chỉ một giai đoạn phát triển sau thời đại đồ đá, được đánh dấu bằng sự xuất hiện hai kim loại với hai giai đoạn phát triển chính: giai đoạn đồ đồng và giai đoạn đồ sắt. Nghiên cứu về thời đại kim khí của Việt Nam có một vai trò to lớn trong việc làm rõ các giai đoạn phát triển của một thời kỳ quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử. Sử dụng phương pháp lịch sử làm chủ đạo kết hợp với phương pháp logic, bài viết này làm rõ quá trình phát triển của thời đại kim khí ở Việt Nam. Suy cho cùng, từ khi nền khảo cổ học Việt Nam ra đời (1954) đã nhận thức được ý nghĩa to lớn của thời đại kim khí đối với việc tìm hiểu thời dựng nước đầu tiên của dân tộc. Từ đó, nghiên cứu về thời đại kim khí nhằm chỉ ra những giá trị vật chất và tinh thần trong dòng chảy văn hóa Việt Nam.

ABSTRACT: The Metal Age can be considered a term to refer to a period of development after the Stone Age, marked by the appearance of two metals with two main stages of development: the Bronze Age and the Iron Age. Research on Vietnam's Metal Age has a great role in clarifying the development stages of an important period in the historical development process. By using the historical method as the main method combined with the logical method, this article clarifies the development process of the metal age in Vietnam. After all, since the birth of Vietnamese archaeology in 1954, we have been aware of the great significance of the metal age for understanding the nation's first nation-building period. Since then, research on the Golden Age has aimed to point out the material and spiritual values in the flow of Vietnamese culture.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Thời đại kim khí được coi là một giai đoạn phát triển tất yếu trong lịch sử nhân loại, đánh dấu sự xuất hiện của những nhà nước đầu tiên và bước vào ngưỡng cửa của nền văn minh. Dựa trên mức độ phát triển, thời đại kim khí được chia thành ba giai đoạn chính: giai đoạn đồ đồng, giai đoạn đồ thau và giai đoạn đồ sắt. Tại Việt Nam, thời kỳ này bắt đầu từ khoảng thiên niên kỷ III TCN với các nền văn hóa phát triển mạnh mẽ tại các khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Bộ. Một số văn hóa tiêu biểu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ như

Phùng Nguyên, Hoa Lộc, Đồng Đậu, Gò Mun và Đông Sơn nổi bật với nhiều giá trị khảo cổ học. Ở miền Trung, văn hóa Sa Huỳnh là đại diện tiêu biểu Trong khi tại miền Nam, lưu vực sông Đồng Nai là nơi tập trung của nhiều di tích, phản ánh các giai đoạn phát triển quan trọng như giai đoạn Cầu Sắt, Bến Đò, Cù Lao Rùa và Dốc Chùa. Nghiên cứu này không chỉ làm nổi bật sự đa dạng của văn hóa thời đại kim khí ở Việt Nam mà còn góp phần khẳng định vị thế của nước ta trong tiến trình phát triển văn minh nhân loại.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung làm sáng tỏ quá trình hình thành và phát triển

của thời đại kim khí tại Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh những đặc điểm cơ bản của giai đoạn lịch sử này. Bằng việc phân tích vai trò của thời đại kim khí trong dòng chảy văn hóa Việt Nam, bài viết góp phần khẳng định vị trí quan trọng của nó trong tiến trình phát triển lịch sử, đặc biệt trong bối cảnh văn minh sông Hồng. Thông qua việc khảo sát về thời đại kim khí, chúng tôi mong muốn bổ sung những hiểu biết về nền văn hóa dân tộc, đồng thời định hình những giá trị truyền thống lâu đời và bền vững của dân tộc Việt Nam. Nghiên cứu này không chỉ làm phong phú thêm nhận thức về di sản văn hóa mà còn góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho các nghiên cứu tiếp theo về quá trình, đặc điểm và vai trò của thời đại kim khí trong lĩnh vực khảo cổ học tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử thuộc triết học Mác - Lênin. Trong đó, những nguyên tắc như khách quan, toàn diện và lịch sử – cụ thể được chúng tôi tuân thủ một cách triệt để. Với góc nhìn khoa học lịch sử, chúng tôi sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic làm những công cụ chủ chốt trong nghiên cứu. Phương pháp lịch sử được áp dụng nhằm tái hiện quá trình phát triển và đặc điểm của thời đại kim khí. Đồng thời, phương pháp logic góp phần phân tích các yếu tố tác động đến quá trình hình thành thời đại kim khí trong diễn trình lịch sử Việt Nam. Qua đó, nghiên cứu không chỉ làm sáng tỏ giá trị lịch sử mà còn khẳng định vai trò thiết yếu của thời đại kim khí trong việc định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Các giai đoạn phát triển của thời đại kim khí ở Việt Nam

3.1.1. Giai đoạn đồng thau

Trong giai đoạn sơ kỳ của thời đại đồ đồng thau, khái niệm “đồng thau” được hiểu là hợp kim được chế tạo từ đồng đỏ kết hợp với các kim loại khác như chì hay thiếc. Qua quá trình phát triển và tích lũy kinh nghiệm sản xuất, con người đã nắm vững thành phần và tỷ lệ của hợp kim, dẫn đến việc đồng đỏ và thiếc trở thành những thành phần chủ đạo

trong cấu tạo đồng thau. Lúc này, đồng thau được xác định như một hợp kim giữa đồng đỏ và thiếc trở thành một sản phẩm đặc trưng trong giai đoạn đồ sắt tại nhiều quốc gia phương Đông. Mặc dù đồng thau có độ giòn nên khó rèn hơn so với đồng đỏ nhưng nó lại sở hữu nhiều ưu điểm nổi bật, đặc biệt độ cứng cao hơn và dễ nấu chảy hơn ở nhiệt độ từ 700 đến 800°C. Đây là một yếu tố quan trọng giúp đồng thau nhanh chóng trở nên phổ biến trong sản xuất. Bên cạnh đó, đồng thau còn có những ưu điểm khác như tính chất hóa học ổn định, độ sắc bén, dễ dàng trong việc đúc và tạo hình, điều này càng khẳng định vai trò chủ yếu của nó trong phát triển văn hóa và công nghệ của thời kỳ này [9, tr.237-238].

Tại Việt Nam, thuật ngữ “thời đại kim khí” được sử dụng để chỉ giai đoạn đồng thau và thời đại sắt sớm. Đối với nhiều nhà nghiên cứu, văn hóa Phùng Nguyên được coi là điểm khởi đầu của thời đại đồng thau ở nước ta. Trong tác phẩm *The Bronze Age of Southeast Asia*, tác giả Higham phân loại văn hóa Phùng Nguyên vào giai đoạn hậu kỳ đá mới, cho rằng chỉ từ văn hóa Đông Đậu trở đi mới thực sự bước vào thời kỳ đồ đồng [1, tr.86-87]. Higham còn nhấn mạnh rằng cả xu hướng phát triển đồng thau và sắt ở Đông Nam Á đều có nguồn gốc từ Trung Quốc với niên đại vào khoảng 1500 năm TCN và sắt vào khoảng 500 năm TCN. Ngược lại, Hoàng Xuân Chinh cho rằng văn hóa Phùng Nguyên tồn tại trong khoảng 700 năm, với kỹ thuật luyện đồng chỉ xuất hiện ở giai đoạn sau. Do đó, ông cho rằng văn hóa Phùng Nguyên thuộc vào giai đoạn hậu kỳ đá mới – sơ kỳ đồng thau [2, tr.12]. Qua những phân tích này, có thể thấy rằng quá trình phân loại và nhận dạng các thời kỳ văn hóa ở Việt Nam cần được xem xét kỹ lưỡng trong bối cảnh lịch sử và đồng thời phản ánh sự giao thoa văn hóa khu vực.

Kể từ khi phát hiện và khai quật di chỉ Phùng Nguyên vào năm 1959 cùng với hàng loạt các địa điểm khác thuộc thời kỳ kim khí trên cả ba miền đất nước, giới nghiên cứu đã thiết lập một hệ thống các giai đoạn văn hóa diễn biến liên tục. Mặc dù vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng tựu trung lại, hệ thống này có thể phân chia thành ba trung tâm văn hóa lớn: tiền Đông Sơn - Đông Sơn (Bắc Bộ),

tiền Sa Huỳnh - Sa Huỳnh (Trung Bộ) và Đồng Nai (Nam Bộ). Số lượng di tích thời đại kim khí được phát hiện đã lên tới hàng trăm, hàng vạn di vật thu thập phản ánh quá trình phát triển văn hóa từ sơ kỳ thời đại đồng thau đến sơ kỳ thời đại sắt, thể hiện các đặc trưng riêng biệt của từng vùng miền trên toàn quốc [3, tr.144]. Có thể thấy rằng, diễn trình văn hóa tiền sử và sơ sử Việt Nam cần được nhìn nhận như một quá trình phát triển đa dạng, trong đó sự giao lưu và tiếp xúc văn hóa, cả nội sinh lẫn ngoại sinh đóng một vai trò quan trọng [5, tr.90].

Thời kỳ đồng thau ở miền Bắc Việt Nam diễn ra từ cuối thiên niên kỷ III đến đầu thiên niên kỷ II TCN ghi nhận sự phát triển vượt bậc của cư dân hậu kỳ đá mới tại lưu vực sông Hồng. Trong bối cảnh này, họ đã chế tác ra vật liệu mới mang tên đồng thau. Sự xuất hiện của đồng thau không chỉ đánh dấu bước tiến quan trọng trong ngành luyện kim mà còn phản ánh sự tiến bộ cao trong tư duy và kỹ thuật chế tạo. Nền văn hóa Phùng Nguyên đặc trưng bởi kỹ thuật luyện kim tiên tiến là minh chứng cụ thể nhất cho hiện tượng này. Song song với văn hóa Phùng Nguyên, giai đoạn này cũng chứng kiến sự tồn tại và phát triển của các nền văn hóa khác như Đông Đậu và Gò Mun, cả hai đều thể hiện sự phát triển cao trong ngành luyện kim đồng thau và nghề gốm. Những yếu tố này không chỉ góp phần tạo nên bức tranh tổng thể về sự phát triển văn hóa mà còn khẳng định vị trí quan trọng của miền Bắc trong lịch sử văn minh dân tộc.

Thời kỳ đồng thau ở Nam Trung Bộ được minh chứng rõ nét qua di chỉ Xóm Cồn tọa lạc ven biển phía Tây của một mũi đất nhỏ thuộc vịnh Cam Ranh, thị trấn Ba Ngòi, huyện Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Di chỉ này thuộc về nền văn hóa được phân loại trong giai đoạn hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng thau, có niên đại khoảng 3.500 đến 3.000 năm trước ngày nay [7, tr.17]. Sự tồn tại của di chỉ Xóm Cồn không chỉ góp phần làm phong phú thêm bức tranh khảo cổ học của khu vực Nam Trung Bộ mà còn khẳng định vai trò của nó trong việc nghiên cứu và hiểu biết về quá trình phát triển văn hóa của cư dân trong thời kỳ chuyển tiếp giữa đá và đồng thau.

Thời kỳ đồng thau ở Nam Bộ được đặc trưng bởi di chỉ Dốc Chùa nằm tại Bình

Dương. Đây là một khu di chỉ có niên đại thuộc trung kỳ thời đại đồng thau, nằm dưới lớp của các tầng địa chất trước đó. Tóm lại, qua việc phát triển kỹ thuật chế tác đá đến đỉnh cao, con người trong thời đại kim khí đã biết đến đồng thau và từng bước đưa nghề luyện kim đồng thau trở thành một ngành kinh tế sản xuất có vai trò then chốt trong đời sống của cư dân. Sự hình thành và phát triển của ngành nghề này không chỉ phản ánh tiến bộ công nghệ mà còn đóng góp quan trọng vào việc xây dựng kinh tế và xã hội của người dân Nam Bộ trong bối cảnh lịch sử đặc thù của khu vực.

3.1.2. Giai đoạn đồ sắt

Trước đây, nhiều nhà nghiên cứu ở nước ngoài cho rằng việc sử dụng đồ sắt ở Việt Nam chỉ bắt đầu sau thời Tây Hán (187 - 180 TCN). Đó là khi chính quyền thực thi chính sách cấm bán đồ sắt cho Nam Việt, tức vào khoảng cuối thế kỷ III - đầu thế kỷ II TCN. Một bộ phận các nhà khảo cổ học còn cho rằng chỉ đến khoảng cuối thiên niên kỷ I TCN người dân trên đất nước ta mới thực sự chuyển từ giai đoạn hậu kỳ thời đại đồ đá mới sang thời đại đồ đồng. Tuy nhiên, theo tác giả Trần Quốc Vượng đây là một kiến giải sai lầm. Việc thần thánh hóa sắt như trong truyền thuyết Thánh Gióng với hình ảnh sử dụng ngựa sắt và roi sắt không phải là hiện tượng duy nhất của Việt Nam mà thực chất là một xu hướng phổ biến trong nhiều nền văn minh cổ đại phương Đông vào nửa sau của thiên niên kỷ II TCN [9, tr.294].

Theo nhóm tác giả trong công trình *Cơ sở khảo cổ học* cho rằng cư dân cổ ở miền Đông Nam Á bao gồm cả Việt Nam đã làm quen với đồ sắt từ rất sớm. Những mảnh đá ghè được chế tác từ quặng sắt đã được phát hiện trong văn hóa Hòa Bình thuộc thời đại đồ đá giữa. Tại các di tích khảo cổ từ thời kỳ đồ đá giữa cho đến thời kỳ đồ đá mới, dấu vết sử dụng các công cụ chế tác từ hê-ma-tít cũng đã được ghi nhận. Cụ thể, tại Quy Đạt (Quảng Bình), người xưa đã sử dụng những công cụ này để tạo ra các hòn ghè, thể hiện sự tiến bộ trong nghệ thuật chế tạo công cụ [9, tr.295]. Thành tựu nghiên cứu khảo cổ học tại Việt Nam đã làm sáng tỏ nhiều khía cạnh của giai đoạn thuộc sơ kỳ thời đại đồ sắt ở miền Bắc diễn ra vào khoảng thiên niên kỷ thứ I TCN,

trong đó nổi bật là sự hiện diện của văn hóa Đông Sơn. Sự phát triển của văn hóa Đông Sơn không chỉ phản ánh kỹ thuật chế tác đồ sắt mà còn thể hiện vai trò quyết định của nó trong đời sống kinh tế và văn hóa của cư dân trong bối cảnh lịch sử và địa lý đa dạng của Việt Nam.

Khái niệm văn hóa Đông Sơn được sử dụng trong khảo cổ học nhằm chỉ nền văn hóa của cư dân Việt cổ trong thời đại đồ sắt sớm, phân bố chủ yếu ở miền Bắc tồn tại từ nửa cuối thiên niên kỷ I TCN cho đến 1-2 thế kỷ CN. Quá trình nhận thức về văn hóa Đông Sơn của các nhà khảo cổ học Việt Nam hiện nay đã cho thấy sự thu hẹp dần cả về địa bàn phân bố lẫn thời gian tồn tại, đồng thời xác định rõ hơn chủ nhân của nền văn hóa này. Theo những ghi nhận lịch sử, di vật đầu tiên tại địa điểm Đông Sơn được phát hiện bởi một người câu cá vào khoảng năm 1924 tại bờ Sông Mã, làng Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau sự kiện này, nhà khảo cổ học L. Pajot đã tiến hành khai thác, sưu tầm các hiện vật đồng tại Đông Sơn. Những di vật này sau đó đã được V. Gouloubew công bố trên Tạp chí của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp vào các năm 1929 và 1932 [8, tr.46]. Với những công bố quan trọng này, văn hóa Đông Sơn lần đầu tiên được biết đến và khẳng định vai trò của thời đại đồng thau trong bối cảnh lịch sử văn hóa ở miền Bắc. Sự phát hiện này không chỉ làm phong phú thêm nhận thức về lịch sử văn hóa Việt Nam mà còn mở ra những hướng nghiên cứu mới trong khảo cổ học khu vực.

Khái niệm Văn hóa Đông Sơn đồng nghĩa với truyền thống khu vực (area co-tradition) và phức hợp kỹ thuật (Techno complex), đôi khi còn ám chỉ đến Văn minh Đông Sơn (Dong Son Civilization). Đến nay, hơn 200 di tích thuộc văn hóa Đông Sơn đã được phát hiện ở Việt Nam. Văn hóa Đông Sơn có nguồn gốc bản địa, phát sinh từ các di tích tiền Đông Sơn ở ba lưu vực sông chính: Sông Hồng, Sông Mã và Sông Cả với chủ nhân là người Việt cổ. Thực tế cho thấy, dấu ấn Đông Sơn đã bắt đầu xuất hiện từ những di tích thời đại đồng thau trước đó (được gọi là tiền Đông Sơn) và vẫn tồn tại sau khi văn hóa Đông Sơn kết thúc (được gọi là Hậu Đông Sơn). Tuy nhiên, những di tích này không thuộc phạm trù văn hóa Đông Sơn mà chỉ phản ánh sự tiếp

nối và phát triển văn hóa trong bối cảnh lịch sử đa dạng của vùng đất này.

Văn hóa Đông Sơn với nguồn gốc từ các nền văn hóa tiền Đông Sơn trên đất Việt Nam thể hiện sự phát triển liên tục và trực tiếp từ các giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun cho đến Đông Sơn tại khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Tại Bắc Trung Bộ, văn hóa Đông Sơn thừa hưởng và phát triển từ các nền văn hóa tiền Đông Sơn như Hoa Lộc, Cồn Chân Tiên và Quỳnh Chử. Sự hội tụ các yếu tố văn hóa trong văn hóa Đông Sơn đã đạt được tính thống nhất cao trong một vùng lãnh thổ rộng lớn. Tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Đông Sơn trên lãnh thổ Việt Nam không chỉ phản ánh những đóng góp của các nền văn hóa đã tồn tại mà còn cho thấy quá trình hình thành văn hóa Đông Sơn và văn minh Đông Sơn trong bối cảnh lịch sử phong phú của dân tộc. Đặc biệt, những thành tựu từ cuộc cách mạng luyện kim của cư dân văn hóa Đông Sơn đã góp phần làm tan rã các cấu trúc nguyên thủy trong xã hội, mở ra ngưỡng cửa văn minh với sự xuất hiện của nhà nước Văn Lang hình thành trên nền tảng vững chắc của văn minh Đông Sơn. Sự chuyển mình này không chỉ tạo tiền đề cho sự phát triển của các giá trị văn hóa mà còn khẳng định vai trò đặc biệt của văn hóa Đông Sơn trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam.

3.2. Từ Phùng Nguyên đến Đông Sơn – những đặc điểm trong thời đại kim khí ở Việt Nam

Đến nay, chúng ta đều công nhận rằng văn hóa Đông Sơn đại diện cho đỉnh cao của nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp giữa thời đại đồ đồng và đầu thời đại sắt, đặc biệt ở các lưu vực sông Hồng, sông Mã và sông Cả. Để hiểu một cách toàn diện về văn hóa Đông Sơn, trước tiên, cần thiết phải thực hiện một phép so sánh nhằm làm nổi bật những kết quả của quá trình hòa quyện lâu dài giữa các nền văn hóa khảo cổ khác nhau trên cả nước, đặc biệt tập trung vào khu vực trung du và đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. Quá trình này không chỉ cho phép chúng ta nhận diện rõ nét những đặc trưng nổi bật của văn hóa Đông Sơn mà còn giúp khẳng định sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các giai đoạn văn hóa trong bối cảnh lịch sử. Việc phân tích và làm rõ các yếu tố văn hóa, kỹ

thuật và xã hội trong từng giai đoạn khẳng định vai trò quan trọng của văn hóa Đông Sơn trong dòng chảy lịch sử văn minh dân tộc Việt Nam. Sự kết hợp này không chỉ làm phong phú thêm tư duy khảo cổ mà còn minh chứng cho sự phát triển không ngừng của nền văn hóa Việt qua các thời kỳ.

Giai đoạn Phùng Nguyên được coi là khởi đầu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển văn hóa của thời kỳ Hùng Vương. Đặc trưng nổi bật của giai đoạn này là sự hoàn thiện về kỹ thuật chế tác đồ đá đạt đến trình độ cao với sự đa dạng trong các loại công cụ như rìu, bôn hình thang hay chữ nhật. Bên cạnh đó, đồ trang sức như vòng, khuyên cũng xuất hiện phản ánh gu thẩm mỹ và nhu cầu thể hiện bản sắc văn hóa của cư dân nơi đây. Đồ gốm trở thành một trong những loại di vật phổ biến trong các di chỉ thuộc giai đoạn Phùng Nguyên cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của nghệ thuật làm gốm. Cư dân Phùng Nguyên đã làm chủ các kỹ thuật chế tác gốm khẳng định khả năng sáng tạo và tinh tế của họ. Đồng thời, nghề luyện kim cũng bắt đầu hình thành, mở ra những hướng phát triển mới cho nền kinh tế và xã hội của giai đoạn này. Với những thành tựu ấy, giai đoạn Phùng Nguyên không chỉ là dấu mốc quan trọng trong lịch sử văn hóa Việt Nam mà còn tạo nền tảng vững chắc cho các thế hệ tiếp theo trong thời kỳ Hùng Vương, khẳng định vai trò và vị trí của nó trong quá trình hình thành nền văn minh Đông Sơn.

Giai đoạn Đông Đậu tiếp tục ghi dấu ấn với sự xuất hiện của các loại công cụ như rìu, bôn hình chữ nhật và hình thang nhỏ nhẹ cùng với các hiện vật trang sức như vòng tay đá, khuyên tai đá và nhẫn đá. Đồ gốm cũng đa dạng với những sản phẩm như nồi, bình và bát cho thấy sự kế thừa và phát triển kỹ thuật từ văn hóa Phùng Nguyên. Tuy nhiên, một yếu tố đột phá trong văn hóa Đông Đậu chính là sự phát triển của kỹ thuật đúc luyện hợp kim đồng thau đánh dấu bước tiến vượt bậc trong trình độ chế tác kim loại. Ngoài ra, đồ gốm trong giai đoạn này được trang trí cầu kỳ hơn phản ánh sự sáng tạo và tinh tế trong nghệ thuật. Nhìn chung, giai đoạn văn hóa Đông Đậu đã kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống từ giai đoạn trước đó, đồng thời nâng cao về trình độ kỹ thuật và nghệ thuật, giữ vững những nét đặc trưng của văn hóa

Phùng Nguyên. Sự kết hợp này không chỉ làm phong phú thêm di sản văn hóa Việt Nam mà còn khẳng định vị thế của văn hóa Đông Đậu trong chuỗi lịch sử phát triển văn minh của dân tộc.

Giai đoạn Gò Mun đánh dấu một bước chuyển mình quan trọng trong lịch sử chế tác kim loại tại Việt Nam khi nhiều hiện vật đồng đã được phát hiện. Các công cụ như mũi giáo có hòng tra cán, lưỡi câu và dây đồng không chỉ phong phú về chủng loại mà còn chứng tỏ sự tiến bộ trong kỹ thuật chế tác. Đặc biệt, sự xuất hiện của liềm và rìu lưỡi xéo được coi là mầm mống của một phong cách văn hóa mới, góp phần làm rõ đặc trưng của giai đoạn văn hóa Đông Sơn. Điều đáng lưu ý là vai trò của đồ đá trong giai đoạn này bắt đầu suy giảm, thể hiện rõ qua sự giảm bớt số lượng cũng như sự đa dạng của các loại hình. Các công cụ như rìu, bôn và vòng trang sức bằng đá ít dần, trong khi khuyên tai đá lại có những đặc điểm riêng biệt với vành khăn mỏng dẹt, được mài vát một rìa cạnh tạo nên tiết diện hình thang vuông. Bên cạnh sự biến đổi trong vật liệu chế tác, đồ gốm của giai đoạn Gò Mun cũng cho thấy sự tiến bộ vượt bậc, được nung ở độ lửa cao hơn, mang lại độ rắn chắc cao [4, tr.40-48]. Các loại đồ đựng thường có miệng gầy gập ra phía ngoài, phản ánh sự sáng tạo và kỹ thuật ngày càng tinh vi của cư dân thời kỳ này. Như vậy, giai đoạn Gò Mun không chỉ khẳng định sự phát triển của nền văn minh kim loại mà còn góp phần định hình các đặc trưng văn hóa trong bối cảnh lịch sử dân tộc.

Tổng thể, ba giai đoạn văn hóa đã minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của công cụ lao động, Mỗi nền văn hóa đều mang những dấu ấn riêng biệt, nhưng cũng không thể phủ nhận sự tương đồng trong các loại hình công cụ lao động cũng như kết cấu trang sức và dụng cụ. Trước những thành tựu vượt bậc của văn hóa Đông Sơn, tác giả xin được thực hiện phương pháp so sánh nhằm làm nổi bật những đặc trưng độc đáo của nền văn hóa này so với các giai đoạn đã được phân tích trước đó.

Giai đoạn Đông Sơn không chỉ đơn thuần là sự tiếp nối mà còn là quá trình hòa hợp văn hóa giữa các lưu vực góp phần kiến tạo nên bộ mặt văn hóa thống nhất của dân tộc. Đặc

biệt, đồ đá trong giai đoạn này trở nên hiếm hoi, chủ yếu là đồ trang sức trong khi công cụ lao động chứng kiến sự giảm về số lượng, chỉ còn lại một số ít rìu tứ giác. Điểm nổi bật trong văn hóa Đông Sơn là việc chế tác đồ đồng với sự khác biệt rõ ràng ở chất liệu, khi hợp kim đồng thau được phát triển với thành phần chì cao hơn nhiều so với ba nền văn hóa trước. Sự tăng cường này không chỉ đánh dấu sự tiến bộ trong kỹ thuật mà còn phản ánh một bước ngoặt văn hóa quan trọng, chứng minh rằng văn hóa Đông Sơn đã thực sự khẳng định vị thế của mình trong dòng chảy lịch sử của nền văn minh Việt Nam.

Trên các hiện vật đồng, đặc biệt là trống đồng loại I – biểu tượng nổi bật của văn hóa Đông Sơn chúng ta chứng kiến sự phát triển phong phú và đa dạng của hoa văn trang trí. Ngoài việc kế thừa và biến tấu từ những hoa văn của các giai đoạn trước, các hoa văn mới đã ra đời bao gồm hình người hóa trang lông chim, hình chim nước, hươu và đặc biệt là cảnh sinh hoạt của con người trong thời kỳ đó. Những hoa văn này không chỉ xuất hiện trên trống đồng mà còn được tìm thấy trên thạp, thỏ, rìu xéo cũng như tấm che ngực. Đồ đồng với vai trò là di vật nổi bật nhất của văn hóa Đông Sơn bao gồm nhiều loại hình như vũ khí, nông cụ, nhạc cụ, đồ trang sức và đồ dùng sinh hoạt. Mỗi loại đều thể hiện sự phong phú và đặc trưng riêng của văn hóa Đông Sơn. Đặc biệt, vũ khí chiếm tỷ lệ hơn 50% về số lượng với các loại như rìu chiến, kiếm, dao găm, giáo, lao và mũi tên, nổi bật với những kiểu dáng đa dạng, trong đó có rìu xéo và dao găm cán hình người. Nông cụ đồng đa dạng với các loại như lưỡi cày, cuốc, thuổng, xẻng, rìu (bao gồm lưỡi xéo, gót tròn, gót vuông), đục, dùi, dao và cưa. Thêm vào đó, lưỡi cày Đông Sơn với kích thước lớn và thiết kế tinh vi, bao gồm các kiểu hình quả tim và cánh bướm, có phần hòng để lắp vào phần cây gỗ với lưỡi dùng để bặt xới đất.

Sự phát triển nhanh chóng của đồ dùng sinh hoạt bằng đồng đã tạo ra một cuộc cách mạng trong đời sống hàng ngày dần dần thay thế các đồ đựng bằng gốm như thạp, thỏ, bình, lọ, âu, khay đĩa, chậu, muôi, quả cân, thìa, bàn chải và đũa. Trong số các thiết bị đựng, thạp đồng nổi bật lên như một di vật tiêu biểu với sự đa dạng trong thiết kế, bao gồm cả loại có nắp và không có nắp, trong đó

thạp đồng Đào Thịnh được xem là biểu tượng xuất sắc nhất. Trong lĩnh vực âm nhạc, nhạc cụ bằng đồng cũng góp phần làm phong phú thêm văn hóa đa dạng của người Đông Sơn với các loại chuông và trống. Đặc biệt, việc đúc các trống đồng lớn không chỉ thể hiện tài năng nghệ thuật mà còn khẳng định trí sáng tạo của cư dân trong việc lựa chọn kiểu dáng và hoa văn cầu kỳ, sắc nét mang lại âm thanh thanh thoát và lời cuốn. Đồ trang sức bằng đồng cũng ghi nhận sự gia tăng vượt bậc về số lượng và loại hình. Nổi bật nhất là các vòng ống có gắn lục lạc, khóa thắt lưng và vòng tay hình cá sấu đều thể hiện sự khéo léo và tinh tế trong thiết kế. Những đặc điểm này không chỉ phản ánh trình độ kỹ thuật cao của xã hội Đông Sơn mà còn khẳng định vị thế và giá trị văn hóa của họ trong bối cảnh lịch sử chung của nhân loại.

Tượng đồng trong văn hóa Đông Sơn khá đa dạng, bao gồm cả tượng rời và tượng gắn liền với các di vật khác như trống, dao găm, kiếm, thạp và muôi đồng. Đề tài chính mà các tượng này phản ánh chủ yếu xoay quanh con người và động vật, với những hình ảnh đặc sắc như tượng người giao hợp trên nắp thạp, người thổi kèn trên cán muôi, hình ảnh người cồng nhau nhảy múa hay các khối tượng trang trí trên mặt trống đồng cùng với hình ảnh chim, rùa, chó và cá sấu. Kỹ thuật đúc đồng của người Đông Sơn được ghi nhận là một trong những công nghệ tiên tiến nhất của thời đại. Hợp kim đồng chủ yếu là sự kết hợp giữa đồng, thiếc và chì tạo nên độ bền và tính chất vượt trội của các sản phẩm. Các khuôn đúc và nồi nấu đồng cùng với xỉ đồng cho thấy rằng đồ đồng Đông Sơn đã được đúc tại chỗ, khẳng định sự hình thành của các trung tâm luyện kim trên hai bờ sông Mã, sông Hồng và sông Lam. Đồ sắt cũng rất phổ biến trong văn hóa Đông Sơn, đặc biệt trong giai đoạn muộn với các công cụ quan trọng như vũ khí và dụng cụ sản xuất. Kỹ thuật luyện sắt đạt tới trình độ cao thể hiện sự tiến bộ vượt bậc trong ngành chế tác kim loại. Đồ thủy tinh chủ yếu được làm thành trang sức, một phần là thủy tinh nhân tạo và một số là đá thủy tinh núi lửa, điển hình là các vòng tay có mặt cắt hình tam giác và chữ nhật, hạt chuỗi và khuyên tai. Nhìn chung, quá trình phát triển từ Phùng Nguyên đến Đông Sơn đủ nói lên tính chất bản địa và sự phát triển rực rỡ

của nền văn hóa Đông Sơn trong dòng chảy của lịch sử.

Từ giai đoạn Phùng Nguyên đến Đông Sơn, thời kỳ kim khí tại Việt Nam đã đánh dấu một bước chuyển mình quan trọng trong lịch sử văn hóa và xã hội. Các đặc điểm nổi bật của thời kỳ này không chỉ phản ánh sự tiến bộ trong công nghệ chế tác kim loại mà còn thể hiện những biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế, xã hội và nghệ thuật của cư dân cổ Việt. Những đặc điểm của thời đại kim khí từ Phùng Nguyên đến Đông Sơn không chỉ tạo ra một bức tranh sinh động về văn hóa, kinh tế và xã hội mà còn khẳng định vị thế vững chắc của văn minh Đông Sơn trong dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam. Sự phát triển này chính là minh chứng rõ nét cho sức sáng tạo và khả năng thích ứng của người Việt cổ, đồng thời thể hiện sự bền bỉ và kiên cường trước những thách thức trong quá trình hình thành và phát triển đất nước. Nhìn chung, thời kỳ kim khí là một dấu mốc quan trọng, khẳng định những giá trị văn hóa độc đáo mà tổ tiên chúng ta đã xây dựng nên.

4. Kết luận

Trong tiến trình phát triển lịch sử Việt Nam, thời đại kim khí đóng một vai trò hết sức quan trọng, góp phần định hình dòng chảy văn hóa và xã hội của dân tộc. Giai đoạn này không chỉ đánh dấu một bước phát triển vượt bậc về chất trong đời sống của cư dân nguyên thủy mà còn thể hiện sự chuyển mình mạnh mẽ với việc ứng dụng kim loại vào công cụ sản xuất và các dụng cụ phục vụ cho lao động, sinh hoạt. Có thể thấy rằng, thời đại kim khí tại Việt Nam được chia thành hai giai đoạn chính: giai đoạn đồng thau và giai đoạn đồ sắt. Mỗi giai đoạn sở hữu những đặc điểm riêng biệt, đồng thời thể hiện sự kế thừa và phát triển vượt trội so với thời kỳ trước. Nhiều nền văn hóa tiêu biểu đã xuất hiện trong thời kỳ này như văn hóa Phùng Nguyên, văn hóa Đông Đậu, văn hóa Gò Mun và văn hóa Sa Huỳnh. Trong đó văn hóa Đông Sơn nổi bật lên như một đỉnh cao chói lọi. Có thể khẳng định rằng, văn hóa Đông Sơn không chỉ là đại diện tiêu biểu cho thời đại kim khí ở Việt Nam mà còn là điểm giao thoa giữa các giá trị văn hóa trước đó được phát triển lên tầm cao mới bởi cư dân Đông Sơn.

Hiện nay, việc nghiên cứu văn hóa Đông Sơn cũng như thời đại kim khí của Việt Nam là một nhiệm vụ hết sức quan trọng góp phần làm sáng tỏ tiến trình phát triển lịch sử dân tộc cũng như sự trưởng thành trong đời sống của cư dân nguyên thủy. Thông qua nghiên cứu này, chúng ta không chỉ nhận thức rõ hơn về nền văn minh đã tồn tại qua hàng nghìn năm mà còn bổ sung những giá trị văn hóa đặc sắc, định hình nên bản sắc truyền thống vững bền và lâu dài của dân tộc Việt Nam. Đây chính là bước đi thiết yếu nhằm khẳng định vị thế và vai trò của nền văn hóa Việt trong dòng chảy lịch sử của nhân loại

Tài liệu tham khảo

1. Ch. Higham. (1996). *The Bronze Age of Southeast Asia*. England: Cambridge University Press.
2. Hoàng Xuân Chinh. (2001). “Về một số văn hóa ở giai đoạn bản lề chuyển tiếp thời đại trong tiền sử Việt Nam”. Hội thảo quốc tế *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam – thành tựu, phương hướng và triển vọng*. Hà Nội.
3. Hoàng Xuân Chinh. (2009). *Các nền văn hóa cổ Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỷ XIX*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
4. Hoàng Xuân Chinh, Bùi Văn Tiến. (1979). *Văn hóa Đông Sơn và các trung tâm văn hóa trong thời đại kim khí ở Việt Nam*. Hà Nội: Viện khảo cổ học xuất bản. Số 31.
5. Lâm Thị Mỹ Dung. (2004). *Thời đại đồ đồng*. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
6. Heiner R. Geldern. (1937). “L'Art préboudhique de la Chine et de l'Asie du Sud - Est et son influence en Océanie”. France: *Revue des Arts Asiatique*. Số 11 (4).
7. Nguyễn Quang Ngọc. (2007). *Tiến trình lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
8. V. Goloubew. (1929). “L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord Anam”. Hà Nội: *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*. Số 29. Tr.1-46.
9. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa. (1978). *Cơ sở khảo cổ học*. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội.